

Số: 21/QĐ-THS1QN

Quài Nừa, ngày 06 tháng 06 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai bổ sung dự toán ngân sách mua sắm thiết bị  
của Trường TH số 1 Quài Nừa**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TH SỐ 1 QUÀI NỪA**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ vào thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-PGD&ĐT ngày 05/06/2024 Phòng giáo dục và đào tạo về việc điều chỉnh kinh phí chi mua sắm thiết bị dạy học trên địa bàn huyện Tuần Giáo, năm 2024;*

*Xét đề nghị của bộ phận tài chính;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai bổ sung số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của trường TH số 1 Quài Nừa. (theo biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này được niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan từ ngày 06/06/2024 đến 30/06/2024 và công bố tại cuộc họp hội đồng nhà trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trường TH số 1 Quài Nừa và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Trường TH số 1 Quài Nừa;
- Các bộ phận;

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Trần Thị Thủy Vân**

Đơn vị: Trường tiểu học số 1 Quài Nưa  
Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 2 NĂM 2024

Kèm theo Quyết định số 21./ QĐ-HT ngày.../.../2024 của Hiệu trưởng)

Đơn vị tính: Đồng

| Số TT | Nội dung                                         | Dự toán được giao |
|-------|--------------------------------------------------|-------------------|
| 1     | 2                                                | 3                 |
| A     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí      | 0                 |
| I     | Số thu phí, lệ phí                               | 0                 |
| 1     | Lệ phí                                           | 0                 |
| 2     | Phí                                              | 0                 |
| 3     | Thu SXKD, dịch vụ                                | 0                 |
| II    | Chi từ nguồn thu phí được để lại                 | 0                 |
| 1     | Chi sự nghiệp                                    | 0                 |
| a     | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                   | 0                 |
| b     | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên             | 0                 |
| 2     | Chi quản lý hành chính                           | 0                 |
| a     | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                 | 0                 |
| b     | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ           | 0                 |
| 3     | Chi SXKD, dịch vụ                                | 0                 |
| III   | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước            | 0                 |
| 1     | Lệ phí                                           | 0                 |
| 2     | Phí                                              | 0                 |
| B     | Dự toán chi ngân sách nhà nước                   | 97.129.882        |
| I     | Nguồn ngân sách trong nước                       | 97.129.882        |
| 1     | Chi quản lý hành chính                           | 0                 |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học công nghệ                 | 0                 |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề      | 97.129.882        |
| 3.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                   | 0                 |
| 3.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên             | 97.129.882        |
|       | Quyết định số 100 ngày 05/06/2024                | 97.129.882        |
|       | - Mục: 7750 Chi khác                             | 97.129.882        |
|       | 7799: Bổ sung DT chi mua sắm 2024                | 97.129.882        |
| 4     | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình           | 0                 |
| 5     | Chi đảm bảo xã hội                               | 0                 |
| 6     | Chi hoạt động kinh tế                            | 0                 |
| 7     | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  | 0                 |
| 8     | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  | 0                 |
| 9     | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn | 0                 |
| 10    | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   | 0                 |
| II    | Nguồn vốn viện trợ                               | 0                 |
| 1     | Chi quản lý hành chính                           | 0                 |

| Số TT | Nội dung                                         | Dự toán được giao |
|-------|--------------------------------------------------|-------------------|
| 1     | 2                                                | 3                 |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học công nghệ                 | 0                 |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề      | 0                 |
| 4     | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình           | 0                 |
| 5     | Chi đảm bảo xã hội                               | 0                 |
| 6     | Chi hoạt động kinh tế                            | 0                 |
| 7     | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  | 0                 |
| 8     | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  | 0                 |
| 9     | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn | 0                 |
| 10    | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   | 0                 |
| II    | Nguồn vay nợ nước ngoài                          | 0                 |
| 1     | Chi quản lý hành chính                           | 0                 |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học công nghệ                 | 0                 |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề      | 0                 |
| 4     | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình           | 0                 |
| 5     | Chi đảm bảo xã hội                               | 0                 |
| 6     | Chi hoạt động kinh tế                            | 0                 |
| 7     | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  | 0                 |
| 8     | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  | 0                 |
| 9     | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn | 0                 |
| 10    | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   | 0                 |

Quài Nưa, ngày 30. tháng 6. năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Trần Thị Thủy Vân